



ĐIỂM TIN | VFM

THÁNG 11/2012

GIỚI THIỆU VFM

Công ty VietFund Management là công ty quản lý quỹ đầu tiên tại Việt Nam chuyên thực hiện quản lý các quỹ đầu tư cho nhà đầu tư cá nhân pháp nhân trong và ngoài nước.

Trong năm 2008, dịch vụ Quản lý danh mục đầu tư được công ty Viet Fund Management tập trung triển khai cho các nhà đầu tư cá nhân và pháp nhân, các tổ chức tài chính lớn trong và ngoài nước. VFM có đội ngũ quản lý kinh nghiệm lâu năm và khả năng hoạch định các giải pháp đầu tư chuyên nghiệp trong lĩnh vực quản lý tài sản này.

Với kiến thức chuyên sâu và tầm nhìn chiến lược, các chuyên gia tư vấn tài chính của VFM luôn theo dõi sát sao và phân tích những biến động của thị trường, đồng thời tiến hành nghiên cứu tổng thể và nhạy bén điều chỉnh các cơ cấu danh mục. Từ đó nhiều cơ hội đầu tư mới mở ra và mang lại kết quả tối ưu cho nhà đầu tư.

Hãy dành thời gian để tận hưởng cuộc sống của riêng mình – tài sản mà bạn giao phó đã được chúng tôi quản lý một cách chuyên nghiệp nhất và bạn hoàn toàn yên tâm vì điều đó.



Quỹ đầu tư **VF1**
Quỹ đầu tư **VF2**
Quỹ đầu tư **VF4**
Quỹ đầu tư **VFA**

Trụ sở chính

Phòng 1701-04, Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point
Số 2 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam
ĐT: (84 8) 3825 1488 Fax: (84 8) 3825 1489

Chi nhánh tại Hà Nội

Phòng 903, Tầng 9, Tòa nhà HCO
44B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (84 4) 3942 8168 Fax: (84 4) 3942 8169

QUỸ ĐẦU TƯ

VF1

Tên Quỹ	Quỹ đầu tư Chứng Khoán Việt Nam (VF1)
Tên tiếng Anh	Vietnam Securities Investment Fund
Mã giao dịch	VFMVF1
Hình thức Quỹ	Quỹ công chứng dạng đóng
Vốn điều lệ	1.000.000.000.000 VND
Tổng số CQK lưu hành	100.000.000 đvq
Ngày thành lập	20/05/2004
Ngày niêm yết	8/11/2004
Thời hạn hoạt động	10 năm
Công ty Quản lý quỹ	CTCP Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng TMCP Ngoại thương (Vietcombank)
Phí quản lý	2%/NAV/năm
Phí lưu ký	0,06%/NAV/năm (không chịu thuế VAT)
Phí giám sát	0,02%/NAV/năm (chưa bao gồm 10% VAT)
Chính sách cổ tức	Hàng năm, theo quyết định của ĐHNĐT

Mục tiêu đầu tư Đầu tư vào các cổ phiếu (niêm yết và chưa niêm yết) có tiềm năng tăng trưởng, chứng khoán nợ và các công cụ tiền tệ khác nhằm xây dựng mục tiêu đầu tư cân bằng.

5 CP chiếm tỷ trọng lớn nhất

Tên cổ phiếu	Thị trường	Tỷ trọng trong NAV (%)
VNM	HOSE	16
DPM	HOSE	15
PVD	HOSE	6
FPT	HOSE	6
NTL	HOSE	5

Tình hình hoạt động quỹ trong tháng 11/2012

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong tháng 11 vẫn tiếp tục xu hướng trầm lắng với giao dịch thấp về giá trị giao dịch lẫn khối lượng.

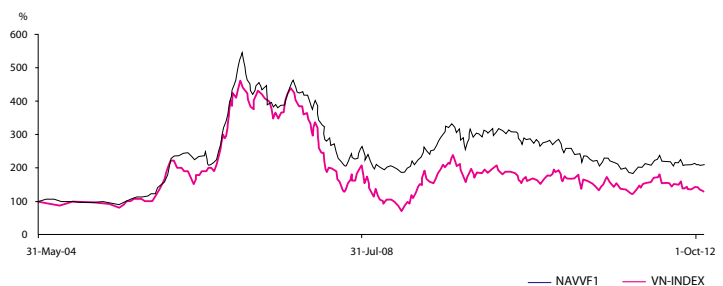
Kết thúc phiên giao dịch ngày 30/11/2012, NAV của quỹ VF1 đạt 14.345 đồng/chứng chỉ quỹ, giảm -2% so với tháng trước trong khi VN-Index đạt 377,82 điểm, giảm -2,7%, và HNX-Index đạt 51,05 điểm, giảm -3,7% so với cuối tháng 10.

Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)

	30/11/2012			Tăng trưởng (%)					Lũy kế từ đầu năm (20/05/2004)
	Quy mô (tỷ đồng)	NAV (tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	Lũy kế từ đầu năm	
VF1	10.000	1.463,5	14.345	(2,0)	(4,6)	(8,4)	(4,5)	10,5	43,45*
VN-Index			377,82	(2,7)	(4,6)	(12,0)	(10,8)	7,5	44,4
HNX-Index			51,05	(3,7)	(16,9)	(31,1)	(25,7)	(13,1)	(49,0)

(*): chưa bao gồm các lần trả cổ tức

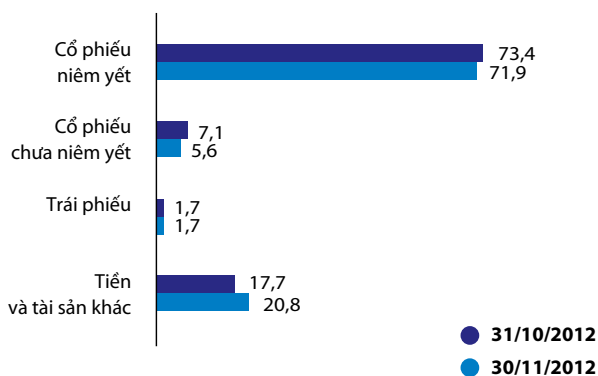
Tăng trưởng NAV so với tăng trưởng của Index 20/05/2004=100



Tăng trưởng NAV	T01	T02	T03	T04	T05	T06	T07	T08	T09	T10	T11	T12	So với đầu năm	Bình quân năm
2012	4,9	10,2	(0,6)	10,7	(5,2)	(0,9)	(1,4)	(1,7)	(3,4)	0,7	(2,0)		10,5	11,5
2011	2,2	(10,7)	(1,8)	(5,2)	(10,2)	1,6	(4,7)	4,5	(3,1)	(3,1)	(12,7)	(3,6)	(38,9)	(38,9)
2010	(0,8)	0,6	2,3	7,0	(4,6)	0,2	1,3	(7,9)	(0,2)	(0,6)	(3,9)	1,4	(8,2)	(8,2)
2009	(1,4)	(7,5)	4,5	8,6	10,7	8,4	7,7	14,3	8,5	(0,6)	(8,6)	1,5	50,9	50,9
2008	(6,0)	(15,0)	(15,7)	(9,0)	(20,0)	(4,2)	6,7	14,2	(9,7)	(14,0)	(1,0)	0,6	(55,8)	(55,8)
2007	25,0	47,6	33,0	19,9	24,9	0,1	(3,5)(*)	(2,1)	5,8	8,8	(4,2)	(2,1)	46,1(*)	46,1(*)
2006	6,0	14,7	10,3	33,5	4,0	3,2	(8,4)	1,3	4,7	(4,4)(*)	15,2	31,0	175,1(*)	175,1(*)
2005	0,04	2,4	1,1	(2,4)	0,2	0,5	0,2	3,5	5,6	5,8	4,7	1,2	25,2	25,2
2004						1,0	(0,6)	(0,2)	0,3	0,6	(0,2)	0,6	1,6	3,2

(*): tính trên vốn bình quân

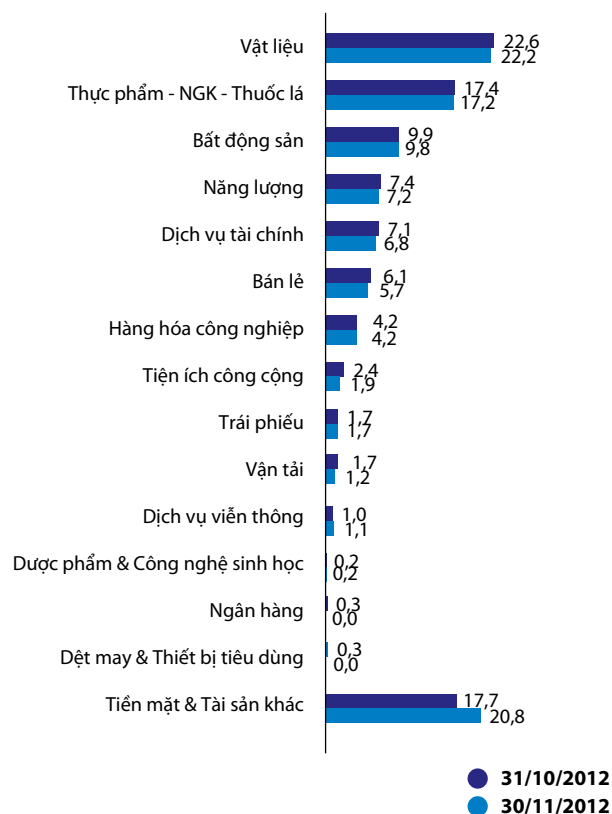
Phân bổ tài sản (%)



Trong tháng 11, tỷ trọng cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu OTC & Upcom đều giảm 1,5% và lần lượt còn 71,9% và 5,6% NAV tại 30/11/2012 do hoạt động thanh toán.

Tỷ trọng tiền mặt, do đó, đạt 20,8% NAV tại 30/11/2012, tăng 3,1% so với tháng trước.

Cơ cấu danh mục đầu tư (%)



Trong tháng 11, quỹ đầu tư VF1 tiếp tục thanh toán hết cổ phiếu thuộc ngành Ngân hàng và Dệt May & Thiết bị tiêu dùng nhằm tránh những ảnh hưởng do tác động bất lợi đến cổ phiếu ngành này. Ngoài ra, tỷ trọng ngành nghề trong danh mục thay đổi nhẹ so với tháng trước chủ yếu do tác động về thị giá.

Tính đến thời điểm 30/11/2012, danh mục đầu tư của quỹ VF1 bao gồm 31 cổ phiếu thuộc 12 nhóm ngành, trong đó 5 nhóm ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất bao gồm:

- + Vật Liệu (22,2%)
- + Thực phẩm, NGK & Thuốc Lá (17,2%)
- + Bất Động Sản (9,8%)
- + Năng Lượng (7,2%)
- + DV Tài Chính (6,8%)

QUỸ ĐẦU TƯ

VF4

Tên Quỹ	Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (VF4)
Tên tiếng Anh	Vietnam Blue-chips Investment Fund
Mã giao dịch	VFMVF4
Hình thức Quỹ	Quỹ công chứng dạng đóng
Vốn điều lệ	806.460.000.000 VND
Tổng số CCQ lưu hành	80.646.000 đvq
Ngày thành lập	28/02/2008
Ngày niêm yết	12/6/2008
Thời hạn hoạt động	10 năm
Công ty Quản lý quỹ	CTCP Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC – CN. Tp. HCM
Phí quản lý	2%/NAV/năm
Phí lưu ký	0,06%/NAV/năm (không chịu thuế VAT)
Phí giám sát	0,02%/NAV/năm (chưa bao gồm 10% VAT)
Chính sách cổ tức	Hàng năm, theo quyết định của ĐHNĐT

Mục tiêu đầu tư Đầu tư vào quá trình cổ phần hóa của các doanh nghiệp lớn của nhà nước; cổ phần của các công ty có giá trị cao, sự tăng trưởng đều qua nhiều năm, và có xu hướng tiếp tục sinh lợi nhuận đều đặn trong tương lai.

Tình hình hoạt động quỹ trong tháng 11/2012

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong tháng 11 vẫn tiếp tục xu hướng trầm lắng với giao dịch thấp trong giá trị giao dịch lẫn khối lượng.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 30/11/2012, VN-Index đạt 377,82 điểm và giảm -2,7% trong khi HNX-Index đạt 51,05 điểm và giảm -3,7% so với cuối tháng 10.

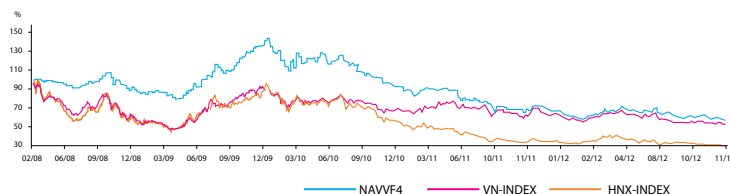
Trong khi đó quỹ đầu tư VF4 ghi nhận mức giảm -1,5% trong kỳ. Kết thúc tháng 11, NAV của Quỹ đầu tư VF4 đạt 6.145 đồng/chứng chỉ quỹ, giảm -1,5% so với cuối tháng 10.

Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)

	30/11/2012			Tăng trưởng (%)					
	Quy mô (tỷ đồng)	NAV (tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (28/2/2008)
VF4	806,5	495,6	6.145	(1,5)	(4,1)	(8,3)	(2,8)	11,5	(18,6)*
VN-Index			377,8	(2,7)	(4,6)	(12,0)	(10,8)	7,5	(45,0)
HNX-Index			51,1	(3,7)	(16,9)	(31,1)	(25,7)	(13,1)	(78,0)

(*) sau khi trừ cổ tức 1,000 đồng/cổ phiếu trong tháng 12/2009 và 1,000 đồng/cổ phiếu tạm ứng trong tháng 04/2010

Tăng trưởng NAV so với tăng trưởng của Index 28/02/2008=100

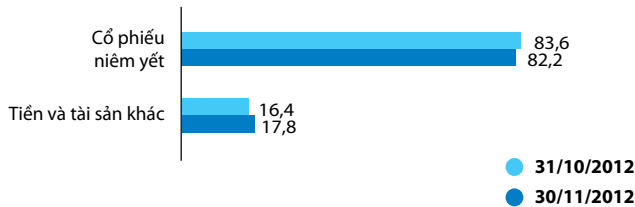


5 CP chiếm tỷ trọng lớn nhất

Tên cổ phiếu	Thị trường	Tỷ trọng trong NAV (%)
VNM	HOSE	17,5
DPM	HOSE	12,1
FPT	HOSE	7,7
MSN	HOSE	6,4
VCB	HOSE	5,8

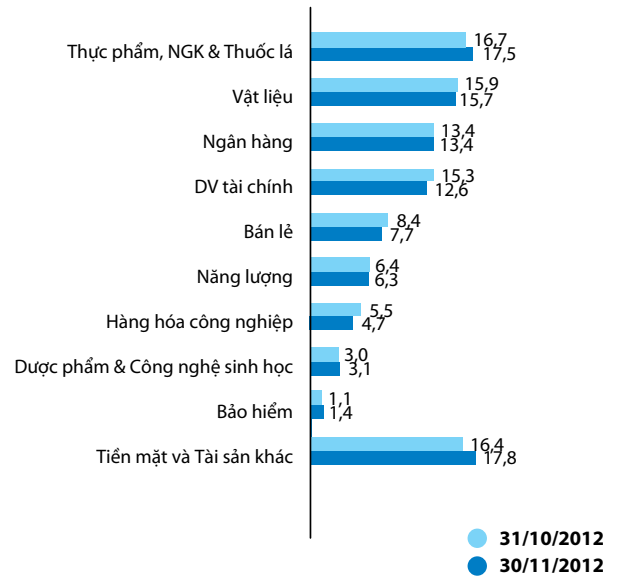
Tăng trưởng NAV	T01	T02	T03	T04	T05	T06	T07	T08	T09	T10	T11	T12	Lũy kế từ đầu năm	Bình quân năm
2012	6,0	8,3	2,1	9,5	(5,3)	(0,2)	(0,7)	(3,6)	(3,7)	1,1	(1,5)		11,5	12,6
2011	1,0	(13,0)	(3,1)	(4,3)	(12,0)	2,4	(0,6)	3,2	(1,5)	(3,2)	(11,7)	5,1	(39,9)	(39,9)
2010	(3,4)	1,6	3,3	8,0	1,4	(0,8)	(4,1)	(9,4)	(10,7)	(2,2)	(3,3)	4,9	(13,1)	(13,1)
2009	(1,3)	(9,0)	8,3	11,2	13,0	6,5	7,6	16,6	6,1	(1,4)	(13,2)	0,5	48,9	48,9
2008			(2,0)	(0,9)	(5,7)	0,4	6,3	11,5	(8,5)	(12,7)	(3,7)	1,7	(17,4)	(17,4)

Phân bố tài sản (%)



Trong tháng 11, VF4 chỉ chủ yếu thanh toán và làm tỷ trọng Cổ phiếu niêm yết giảm từ 83,6% NAV tại 31/10/2012 xuống 82,2% NAV tại 30/11/2012 đồng thời nâng tỷ trọng tiền mặt tăng lên 17,8% do thanh toán ròng trong kỳ.

Cơ cấu danh mục đầu tư (%)



So với tháng 10, tỷ trọng của ngành Thực phẩm, NGK tăng nhẹ 0,8% lên 17,5% NAV đến chủ yếu từ sự tăng trưởng của thị giá trong khi, tỷ trọng ngành Bảo Hiểm tăng nhẹ 0,3% lên 1,4% NAV do hoạt động giải ngân.

Trong khi đó tỷ trọng ngành Hàng hóa Công nghiệp với mức giảm -0,8% còn 4,7% do hoạt động thanh toán trong kỳ.

Tính đến thời điểm 30/11/2012, danh mục đầu tư của quỹ VF4 bao gồm 17 cổ phiếu thuộc 9 nhóm ngành, trong đó 5 nhóm ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất bao gồm:

- + Thực phẩm, NGK & Thuốc lá (17,5%)
- + Vật liệu (15,7%)
- + Ngân hàng (13,4%)
- + DV Tài chính (12,6%)
- + Bán lẻ (7,7%)

QUỸ ĐẦU TƯ

VFA

Tên Quỹ	Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA)
Tên tiếng Anh	Vietnam Active Fund
Mã giao dịch	VFMVFA
Hình thức Quỹ	Quỹ công chúng dạng đóng
Vốn điều lệ	240.437.600.000 VND
Tổng số CCQ lưu hành	24.043.760 đvq
Ngày thành lập	02/04/2010
Ngày niêm yết	08/09/2010
Thời hạn hoạt động	5 năm
Công ty Quản lý quỹ	CTCP Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát	Ngân Hàng Far East National - CN TP. HCM
Phí quản lý	2%/NAV/năm
Phí giám sát & lưu ký	0,04%/NAV/năm
Chính sách cổ tức	Tối thiểu 50% lợi nhuận thực hiện hàng năm của Quỹ
Mục tiêu đầu tư	Nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của TTCKVN dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng (trend-following).

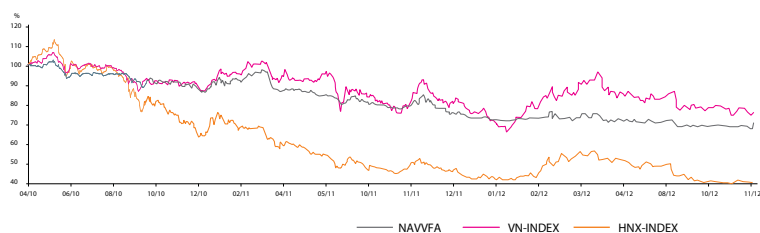
Tình hình hoạt động quỹ trong tháng 11/2012

Thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục đà mất điểm khi cả hai chỉ số VN-Index và HNX-Index lần lượt giảm 2,7% và 3,7% trong tháng 11/2012. Trong cùng kỳ, NAV trên chứng chỉ Quỹ VFA đạt 7.110,8 đồng và có mức tăng 3,0% trong tháng. Lũy kế từ khi hoạt động, NAV của Quỹ đầu tư VFA giảm 28,9%, cao hơn với mức giảm của VN-Index và tương đương với 41,9% mức giảm của HNX-Index.

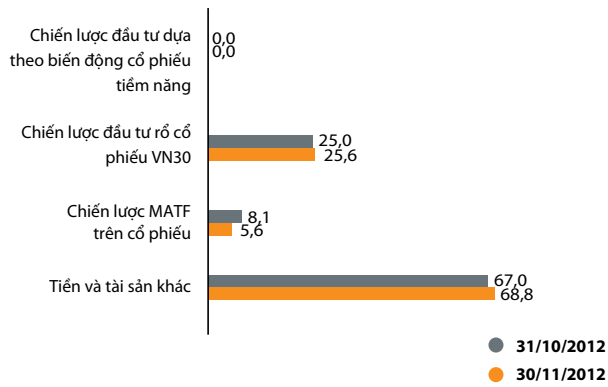
Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)

	31/10/2012			Tăng trưởng (%)					Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (02/04/2010)
	Quy mô (tỷ đồng)	NAV (tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng			
VFA	240,4	171,0	7.110,8	3,0	2,9	(1,6)	(6,3)	(0,40)	(28,9)	
VN-Index			377,8	(2,7)	(4,6)	(12,0)	(10,8)	7,5	(26,0)	
HNX-Index			51,1	(3,7)	(16,9)	(31,1)	(25,7)	(13,1)	(68,9)	

Tăng trưởng NAV so với tăng trưởng của Index 02/04/2010=100



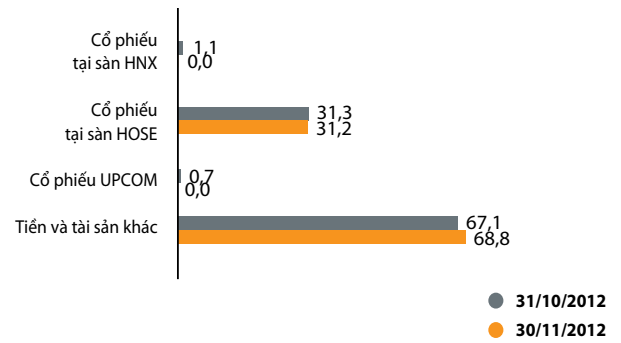
Danh mục đầu tư (%)



Trong tháng 11/2012, chiến lược MATF trên cổ phiếu thực hiện tín hiệu bán một phần và làm giảm tỷ trọng cổ phiếu nắm giữ của chiến lược này từ 8,1% NAV xuống còn 5,6% NAV. Tỷ trọng chiến lược đầu tư rổ cổ phiếu VN30 tăng nhẹ từ 25,0% lên 25,6% chủ yếu do sự tăng trưởng về giá của các cổ phiếu.

Do việc thanh toán của chiến lược MATF trên cổ phiếu nên tỷ trọng tiền mặt tăng từ 67,0% NAV lên 68,8% NAV.

Phân bổ tài sản (%)



Các cổ phiếu sàn HNX và Upcom được tái cơ cấu và chuyển sang rổ cổ phiếu VN30 nên tỷ trọng của cổ phiếu hai sàn HNX và Upcom giảm từ 1,1% và 0,7% xuống còn 0%. Tuy nhiên, tỷ trọng cổ phiếu sàn HOSE không thay đổi ở mức 31,2% khi chiến lược MATF trên cổ phiếu thực hiện bán một phần trong tháng 11/2012.



VIETFUND MANAGEMENT

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi công ty Vietfund Management (VFM). Các thông tin trong báo cáo được công ty VFM xem là đáng tin cậy và dựa trên các nguồn thông tin đã công bố ra công chúng. Tuy nhiên, công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong bản báo cáo này. Quan điểm, dự báo và các ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của công ty VFM và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các vấn đề thuộc các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.